THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Anh** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.7	Anh - 9.6	GDĐP - 7.10			
SHL - 9.7		GDĐP - 7.10			
	Anh - 9.7	GDĐP - 7.11			
Anh - 9.7		GDĐP - 7.11			NGLL - 9.7
Anh - 9.6					

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Anh - 7.13	Anh - 7.15	Anh - 7.13		
	Anh - 7.14	Anh - 7.15	Anh B2 - 9.6		
	Anh - 7.15	Anh - 7.13	Anh B2 - 9.6		
	Anh B2 - 9.7	Anh - 7.14			
	Anh B2 - 9.7	Anh - 7.14			

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Hân** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
GDĐP		AnhTC - 8TC1	GDĐP - 7.12		
GDĐP - 7.8		AnhTC - 8TC1	GDĐP - 7.12		
Anh - 9.5		AnhTC - 8TC1	Anh - 9.5		

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Anh - 8TC1	Anh - 8.9	Anh - 8.8		
TNHN - 8TC1	Anh - 8.8	Anh - 8TC1	Anh B2 - 9.5		
Anh - 8.9	Anh - 8.9	Anh - 8TC1	Anh B2 - 9.5		
SHL - 8TC1					
ChCờ - 8TC1		Anh - 8.8			

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên Hoa

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	AnhTC - 7TC1		GDĐP - 7TC1		
	AnhTC - 7TC1		GDĐP - 7TC1		
GDĐP - 7.9	AnhTC - 7TC1	Anh - 9.3	GDĐP - 7.1		
GDĐP - 7.9	Anh - 9.3	Anh - 9.4	GDĐP - 7.1		
	Anh - 9.4				

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Anh - 7TC1	Anh - 7.12		
Anh - 7.12		TNHN - 7TC1	Anh B2 - 9.4		
Anh - 7TC1		Anh - 7.12	Anh B2 - 9.4		
SHL - 7TC1		Anh B2 - 9.3			
ChCờ - 7TC1		Anh B2 - 9.3	Anh - 7TC1		

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Hòa** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Anh - 9.1			
		Anh - 9.2			
			Anh - 9.1		
			Anh - 9.2		

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Anh - 8.1	Anh - 8.4	Anh - 8.2			
Anh - 8.1	Anh - 8.3	Anh B2 - 9.2	Anh - 8.4		
Anh - 8.4	Anh - 8.1	Anh B2 - 9.2	Anh - 8.2		
		Anh B2 - 9.1	Anh - 8.3		
	Anh - 8.2	Anh B2 - 9.1	Anh - 8.3		

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên M.Huy

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6TC2	Anh - 6.13				
SHL - 6TC2	Anh - 6.13				
Anh - 6.12	Anh - 6TC2	Anh - 6.13			
	Anh - 6.12	Anh - 6.12			
Anh - 6TC2	TNHN - 6TC2	Anh - 6TC2			

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
GDĐP	Anh - 7.10		AnhTC - 6TC2		
GDĐP - 6TC2	Anh - 7.10		AnhTC - 6TC2		
			AnhTC - 6TC2		
			Anh - 7.10		

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Lộc** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Anh - 9.10			
		Anh - 6TC3			
Anh - 9.10		Anh - 6TC3			
Anh - 9.11		Anh - 9.11			
Anh - 6TC3					

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Anh - 8.11	Anh - 8.11	Anh - 8.7		
Anh - 8.5	Anh - 8.6	Anh - 8.5	Anh - 8.7		
Anh - 8.6	Anh - 8.7	Anh - 8.5	Anh - 8.11		
	Anh B2 - 9.10		Anh B2 - 9.11		
	Anh B2 - 9.10	Anh - 8.6	Anh B2 - 9.11		

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên B.Nga

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9TC1	Anh - 6.2	Anh - 6.9	Anh - 6.9		
SHL - 9TC1	Anh - 6.2	Anh - 6.11	Anh - 6.2		
		Anh - 6.10	Anh - 6.10		
Anh - 6.11	Anh - 9TC1		Anh - 6.10		
Anh - 6.11	Anh - 6.9	Anh - 9TC1	NGLL - 9TC1		

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		AnhTC - 9TC1			
		AnhTC - 9TC1			
Anh B2 - 9TC1		AnhTC - 9TC1			
Anh B2 - 9TC1					

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên Phụng

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Anh - 9.12	AnhTC - 8TC2	Anh - 9.13		
	Anh - 9.13	AnhTC - 8TC2	Anh - 9.12		
		AnhTC - 8TC2			

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Anh - 8.10	TNHN - 8TC2	Anh - 8TC2	Anh - 8.10		
Anh B2 - 9.13	Anh - 8TC2	GDĐP - 6.11	Anh B2 - 9.12		
Anh B2 - 9.13	Anh - 8.10	GDĐP - 6.11	Anh B2 - 9.12		
SHL - 8TC2	GDĐP - 6.10	GDĐP - 6.12			
ChCờ - 8TC2	GDĐP - 6.10	GDĐP - 6.12	Anh - 8TC2		

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên Thu

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Anh - 6.5	Anh - 9TC2		
		Anh - 6.5	Anh - 6.5		
		Anh - 9.14			
		Anh - 9TC2	Anh - 9.14		

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Anh - 7.7	Anh - 7.9	Anh - 7.8	Anh - 7.6		
Anh - 7.6	Anh - 7.6	AnhTC - 9TC2	Anh - 7.9	Anh B2 - 9.14	
Anh - 7.9		AnhTC - 9TC2	Anh - 7.7	Anh B2 - 9.14	
		AnhTC - 9TC2	Anh - 7.8	Anh B2 - 9TC2	
		Anh - 7.7	Anh - 7.8	Anh B2 - 9TC2	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Thư** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Anh - 6.6	Anh - 6.3	Anh - 6.3		
	Anh - 6.7	Anh - 6.6	Anh - 6.3		
		Anh - 6.6	Anh - 6.8		
	Anh - 6.8		Anh - 6.7		
	Anh - 6.8		Anh - 6.7		

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Anh - 7TC2			
	Anh - 7TC2	Anh - 7.2			
	Anh - 7TC2	Anh - 7.2			
	Anh - 7.2				

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên Vân.A

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.8					Anh - 9.8
SHL - 9.8					Anh - 9.9
Anh - 9.8					
Anh - 9.9					NGLL - 9.8

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Anh - 7.4	Anh - 7.5	Anh - 7.5			
Anh - 7.4					
Anh - 7.3	AnhTC - 6TC3	Anh - 7.3	Anh - 7.5		
Anh B2 - 9.8	AnhTC - 6TC3	Anh B2 - 9.9	Anh - 7.3		
Anh B2 - 9.8	AnhTC - 6TC3	Anh B2 - 9.9	Anh - 7.4		

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên P.Vi** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6TC1	Anh - 6.15	Anh - 6TC1			
SHL - 6TC1	Anh - 6.14	Anh - 6.4			
Anh - 6.4	Anh - 6.14	Anh - 6.15	GDĐP - 7.13		
Anh - 6.15	Anh - 6TC1	Anh - 6.14	GDĐP - 7.13		
Anh - 6TC1	Anh - 6.4	TNHN - 6TC1			

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	AnhTC - 6TC1				
	AnhTC - 6TC1				
	AnhTC - 6TC1				

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Nhung** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	CNghệ - 6.8	CNghệ - 6.2		CNghệ - 6TC3	
	CNghệ - 6.15	CNghệ - 6.10		CNghệ - 6.3	
CNghệ - 6.14	CNghệ - 6.4	CNghệ - 6TC2		CNghệ - 6.11	
CNghệ - 6.5	CNghệ - 6.9	CNghệ - 6.7		CNghệ - 6.13	
CNghệ - 6.6	CNghệ - 6TC1	CNghệ - 6.12		CNghệ - 6.1	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Thịnh** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	CNghệ - 9.2			GDĐP - 8TC1	GDĐP - 8.5
	CNghệ - 9.4			GDĐP - 8TC1	GDĐP - 8.5
				CNghệ - 9.8	CNghệ - 9.5
	CNghệ - 9.6			CNghệ - 9.1	
	CNghệ - 9.3			CNghệ - 9.7	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		CNghệ - 8.10			
		CNghệ - 8.8			
	CNghệ - 8.11	CNghệ - 8TC2			
	CNghệ - 8.9				
	CNghệ - 8TC1				

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên N.Trâm

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
CNghệ - 7.2	CNghệ - 7.14	CNghệ - 7.9		CNghệ - 7.8	
CNghệ - 7.13	CNghệ - 7.15	CNghệ - 7TC2		CNghệ - 7.6	
CNghệ - 7.4	CNghệ - 7.3	TNHN - 7.9		CNghệ - 7.12	
SHL - 7.9	CNghệ - 7.1	CNghệ - 7.11		CNghệ - 7TC1	
ChCờ - 7.9	CNghệ - 7.5	CNghệ - 7.10		CNghệ - 7.7	

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU
Giáo viên Tuyến
(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		CNghệ - 9.13		CNghệ - 9.9	GDĐP - 8.7
		CNghệ - 9.14		CNghệ - 9TC2	GDĐP - 8.7
		CNghệ - 9.11		GDĐP - 8TC2	CNghệ - 9TC1
		CNghệ - 9.12		GDĐP - 8TC2	
				CNghệ - 9.10	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	CNghệ - 8.6	CNghệ - 8.5			
		CNghệ - 8.1			
	CNghệ - 8.3				
	CNghệ - 8.2	CNghệ - 8.4			
	CNghệ - 8.7				

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên X.Hồng

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		GDCD - 9.3			
		GDCD - 9.1			
	GDCD - 9.6	GDCD - 9.5			
	GDCD - 9.7	GDCD - 9.2			
	GDCD - 9.8	GDCD - 9.4			

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
GDCD - 8.3				GDCD - 8TC2	
GDCD - 8.4				GDCD - 8TC1	
GDCD - 8.11				GDCD - 8.6	
SHL - 8.6				TNHN - 8.6	
ChCờ - 8.6				GDCD - 8.5	

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên Đ.Loan

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		GDCD - 9.14			GDCD - 9.11
		GDCD - 9.13			GDCD - 9TC1
		GDCD - 9.10			GDCD - 9TC2
	GDCD - 9.9				
	GDCD - 9.12				

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		GDCD - 7.7		GDCD - 7.13	
		GDCD - 7.10		GDCD - 7.9	
	GDCD - 7.6	GDCD - 7.14		GDCD - 7.5	
		GDCD - 7.4			
	GDCD - 7.12	GDCD - 7.11		GDCD - 7.8	

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên Thùy

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.10		GDCD - 6TC3			
SHL - 6.10		GDCD - 6TC1			
GDCD - 6.11	GDCD - 6.10	GDCD - 6.14			
GDCD - 6.12	TNHN - 6.10	GDCD - 6TC2			
GDCD - 6.15	GDCD - 6.13				

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		GDCD - 8.8		GDCD - 8.10	
		GDCD - 8.2		GDCD - 8.1	
		GDCD - 8.7			
		GDCD - 8.9			

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Tuấn** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	GDCD - 6.5	GDCD - 6.6			
	GDCD - 6.9	GDCD - 6.2			
		GDCD - 6.8			
	GDCD - 6.3	GDCD - 6.4			
	GDCD - 6.1	GDCD - 6.7			

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
				TNHN - 7.1	
				GDCD - 7.2	
GDCD - 7.1				GDCD - 7.15	
SHL - 7.1		GDCD - 7TC2			
ChCờ - 7.1		GDCD - 7.3		GDCD - 7TC1	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Ái** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	KHTN - 8.9			KHTN - 8.9	
	KHTN - 8.9			KHTN - 8.9	

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên Chánh

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.4					Sinh - 9.2
SHL - 9.4					Sinh - 9.1
Sinh - 9.4	Sinh - 9.1				Sinh - 9.3
Sinh - 9.3	Sinh - 9.4				NGLL - 9.4
	Sinh - 9.2				

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
				KHTN - 7TC1	
	KHTN - 7TC1			KHTN - 7.13	
	KHTN - 7TC1			KHTN - 7.13	
			KHTN - 7TC1		
	KHTN - 7.13		KHTN - 7.13		

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Duyên** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.13					
SHL - 6.13			KHTN - 6.13		
TNHN - 6.13			KHTN - 6.13		
KHTN - 6.13					
KHTN - 6.13					

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	KHTN - 7.4		KHTN - 7.5		
	KHTN - 7.4		KHTN - 7.5		
				KHTN - 7.4	
	GDĐP - 6.4		KHTN - 7.4	KHTN - 7.5	
	GDĐP - 6.4			KHTN - 7.5	

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên V.Hạnh

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Hóa - 9.14			Hóa - 9.12	
	Hóa - 9.11			Hóa - 9.11	
	Hóa - 9TC1			Hóa - 9TC1	
	Hóa - 9.12			Hóa - 9.14	
	Hóa - 9.13			Hóa - 9.13	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
KHTN - 8.7					
KHTN - 8.7					
TNHN - 8.7					
SHL - 8.7				KHTN - 8.7	
ChCờ - 8.7				KHTN - 8.7	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên N.Hương** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.6					GDĐP - 8.2
SHL - 6.6					GDĐP - 8.2
KHTN - 6.6	KHTN - 6.7			KHTN - 6.7	
KHTN - 6.6	TNHN - 6.6			KHTN - 6.7	
KHTN - 6.7	KHTN - 6.6			KHTN - 6.6	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			KHTN - 8TC2		
			KHTN - 8TC2		
				KHTN - 8TC2	
				KHTN - 8TC2	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên P.Linh** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			Lí - 9.14	Lí - 9.14	
				Lí - 9.13	
			Lí - 9TC1		
			Lí - 9.13	Lí - 9TC1	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	KHTN - 7.7			KHTN - 7.7	
	KHTN - 7.7			KHTN - 7.7	
	TNHN - 7.7				
SHL - 7.7	KHTN - 7.6			KHTN - 7.6	
ChCờ - 7.7	KHTN - 7.6			KHTN - 7.6	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên A.Minh** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Lí - 9.10		Lí - 9.8		Lí - 9.9
	Lí - 9.7		Lí - 9TC2		Lí - 9.7
	Lí - 9.8		Lí - 9.11		Lí - 9.10
	Lí - 9.11		Lí - 9.9		
	Lí - 9TC2				

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
KHTN - 7.8					
KHTN - 7.8					
	TNHN - 7.8				
SHL - 7.8	KHTN - 7.8				
ChCờ - 7.8	KHTN - 7.8				

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên L.Nam

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
					GDĐP - 8.4
					GDĐP - 8.4
	KHTN - 6TC3		KHTN - 6TC3		
	KHTN - 6TC3		KHTN - 6TC3		

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
KHTN - 8.5				KHTN - 8.6	
KHTN - 8.6				KHTN - 8.6	
TNHN - 8.5	KHTN - 8.5			KHTN - 8.5	
SHL - 8.5	KHTN - 8.5				
ChCờ - 8.5	KHTN - 8.6				

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên Phước

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Sinh - 9.5				Sinh - 9.5
	Sinh - 9.6				Sinh - 9.6
					Sinh - 9.7
	Sinh - 9TC2				Sinh - 9TC2
	Sinh - 9.7				

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
KHTN - 7.11			KHTN - 7.11		
			KHTN - 7.11		
KHTN - 7.12	KHTN - 7.12				
SHL - 7.11	KHTN - 7.12		KHTN - 7.12		
ChCờ - 7.11	KHTN - 7.11		TNHN - 7.11		

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Thành** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.11	Sinh - 9.13				Sinh - 9.14
SHL - 9.11	Sinh - 9.14				Sinh - 9.12
Sinh - 9.11	Sinh - 9.11				Sinh - 9.13
Sinh - 9.12					NGLL - 9.11

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	KHTN - 8.2		KHTN - 8.2		
	KHTN - 8.2		KHTN - 8.2		
			KHTN - 8.1		
	KHTN - 8.1		KHTN - 8.1		
	KHTN - 8.1				

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Tiên** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.9	KHTN - 6.10			TNHN - 6.9	
SHL - 6.9	KHTN - 6.10			KHTN - 6.10	
KHTN - 6.9	KHTN - 6.9				
KHTN - 6.10				KHTN - 6.9	
				KHTN - 6.9	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
KHTN - 7.3					
KHTN - 7.3	GDĐP - 6.9				
	GDĐP - 6.9				
	KHTN - 7.3				
	KHTN - 7.3				

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên G.Tiền** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
				KHTN - 6.14	
				KHTN - 6.14	
	KHTN - 6.14				
	KHTN - 6.14				

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
KHTN - 7.14			KHTN - 7.14		
KHTN - 7.14	GDĐP - 6.3				
KHTN - 7.15	GDĐP - 6.3		TNHN - 7.14		
SHL - 7.14	KHTN - 7.15		KHTN - 7.15		
ChCờ - 7.14	KHTN - 7.14		KHTN - 7.15		

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Tín** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.1			Lí - 9.4	Lí - 9.6	
SHL - 9.1			Lí - 9.2		
Lí - 9.12			Lí - 9.1	Lí - 9.12	
Lí - 9.5	Lí - 9.5		Lí - 9.6	Lí - 9.4	NGLL - 9.1
Lí - 9.3	Lí - 9.1		Lí - 9.3	Lí - 9.2	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Trọng** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Sinh - 9.10		Sinh - 9.8		
	Sinh - 9.9		Sinh - 9.9		
	Sinh - 9.8		Sinh - 9TC1		
	Sinh - 9TC1		Sinh - 9.10		

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
KHTN - 8.4				KHTN - 8.4	
KHTN - 8.3				KHTN - 8.3	
KHTN - 8.3				KHTN - 8.3	
SHL - 8.4	KHTN - 8.4				
ChCờ - 8.4	KHTN - 8.4			TNHN - 8.4	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Trân** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			KHTN - 6.8		
	KHTN - 6.8		KHTN - 6.8		
	KHTN - 6.8				
	KHTN - 6.5		KHTN - 6.5		
	KHTN - 6.5		KHTN - 6.5		

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
TNHN - 7TC2					
SHL - 7TC2	KHTN - 7TC2			KHTN - 7TC2	
ChCờ - 7TC2	KHTN - 7TC2			KHTN - 7TC2	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên T.Tuyết** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9TC2	Hóa - 9.8			Hóa - 9.7	
SHL - 9TC2				Hóa - 9.9	
Hóa - 9.7	Hóa - 9TC2			Hóa - 9TC2	
Hóa - 9.8	Hóa - 9.10			Hóa - 9.10	
	Hóa - 9.9			NGLL - 9TC2	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	KHTN - 8.8			KHTN - 8.8	
	KHTN - 8.8			KHTN - 8.8	

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên N.Vân

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.12			KHTN - 6.12		
SHL - 6.12	KHTN - 6TC1		KHTN - 6.12		
KHTN - 6TC1	KHTN - 6.12				
			KHTN - 6TC1		
KHTN - 6.12	TNHN - 6.12		KHTN - 6TC1		

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	KHTN - 7.10		GDĐP - 6.8	KHTN - 7.10	
	KHTN - 7.10		GDĐP - 6.8	KHTN - 7.10	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên H.Vân** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.5			Hóa - 9.2	Hóa - 9.3	Hóa - 9.6
SHL - 9.5			Hóa - 9.5		Hóa - 9.5
Hóa - 9.1			Hóa - 9.6	Hóa - 9.4	Hóa - 9.4
			Hóa - 9.3	Hóa - 9.2	NGLL - 9.5
				Hóa - 9.1	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			KHTN - 8.11		
			KHTN - 8.11		
	KHTN - 8.11				
	KHTN - 8.11				

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên T.Nga** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	KHTN - 6.3		KHTN - 6.1		
	KHTN - 6.3		KHTN - 6.1		
	KHTN - 6.1		KHTN - 6.3	KHTN - 6.3	
	KHTN - 6.1		KHTN - 6.2		
	KHTN - 6.2		KHTN - 6.2	KHTN - 6.2	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	KHTN - 7.1			KHTN - 7.1	
	KHTN - 7.1			KHTN - 7.1	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Đào** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		LSĐL - 6.12	LSĐL - 6.10		
		LSĐL - 6.12			
			LSĐL - 6.12		
		LSĐL - 6.10			
		LSĐL - 6.10			

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
LSĐL - 8.9			LSĐL - 8TC1		
LSĐL - 8.9			LSĐL - 8TC1		
LSĐL - 8TC1		LSĐL - 8.8			
SHL - 8.9		LSĐL - 8.8	LSĐL - 8.8		
ChCờ - 8.9		TNHN - 8.9	LSĐL - 8.9		

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Lâm** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		LSĐL - 6.4	LSĐL - 6.6	LSĐL - 6.3	
		LSĐL - 6.3	LSĐL - 6.6	LSĐL - 6.5	
		LSĐL - 6.5	LSĐL - 6.5	LSĐL - 6.4	
			LSĐL - 6.3		
		LSĐL - 6.6	LSĐL - 6.4		

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
LSĐL - 7.12				LSĐL - 7.11	
LSĐL - 7.11				LSĐL - 7TC2	
		LSĐL - 7.11		LSĐL - 7TC2	
		LSĐL - 7.12		LSĐL - 7.12	
		LSĐL - 7TC2			

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU
Giáo viên K.Lệ
(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Địa - 9.2	Địa - 9.5		
		Địa - 9TC1	Địa - 9.4		
		Địa - 9.1			
		Địa - 9.3			

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
LSĐL - 7.10		LSĐL - 7.10		LSĐL - 7.4	
LSĐL - 7.10		LSĐL - 7.9		LSĐL - 7.4	
TNHN - 7.10		LSĐL - 7.4		LSĐL - 7.9	
SHL - 7.10				LSĐL - 7.9	
ChCờ - 7.10					

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên T.Linh** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			Địa - 9.10		GDĐP - 8.10
			Địa - 9.13		GDĐP - 8.10
			Địa - 9.12		
			Địa - 9.11		
			Địa - 9.14		

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		LSĐL - 8.3		LSĐL - 8.3	
LSĐL - 8.10		LSĐL - 8.3		LSĐL - 8.10	
TNHN - 8.10		LSĐL - 8.10			
SHL - 8.10					
ChCờ - 8.10					

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Tâm** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Sử - 9.11	Sử - 9.14	Sử - 9TC1	
Sử - 9TC1		Sử - 9.12	Sử - 9.13	Sử - 9.14	
Sử - 9.10		Sử - 9.13		Sử - 9.9	
Sử - 9.12		Sử - 9.10	Sử - 9.9	Sử - 9.11	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		LSĐL - 8.1			
		LSĐL - 8.1	LSĐL - 8.1		

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên Thiện

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.1				LSĐL - 6.1	
SHL - 6.1				LSĐL - 6.1	
TNHN - 6.1				LSĐL - 6.2	
LSĐL - 6.1				LSĐL - 6.2	
LSĐL - 6.2					

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		LSĐL - 8.7		LSĐL - 8.7	
GDĐP - 6.1		LSĐL - 8.7		LSĐL - 8TC2	
GDĐP - 6.1					
		LSĐL - 8TC2			
		LSĐL - 8TC2			

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU
Giáo viên Trường
(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6TC3					
SHL - 6TC3				LSĐL - 6TC3	
				LSĐL - 6TC3	
LSĐL - 6TC3					
				TNHN - 6TC3	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		LSĐL - 8.6	LSĐL - 8.4		
		LSĐL - 8.4		GDĐP - 6.15	
		LSĐL - 8.4	LSĐL - 8.6	GDĐP - 6.15	
		LSĐL - 8.5	LSĐL - 8.6	GDĐP - 6TC3	
		LSĐL - 8.5	LSĐL - 8.5	GDĐP - 6TC3	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên H.Vi** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
				LSĐL - 6.13	GDĐP - 8.3
				LSĐL - 6.13	GDĐP - 8.3
			LSĐL - 6.13	LSĐL - 6.14	
			LSĐL - 6.14	LSĐL - 6.14	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
LSĐL - 7TC1		LSĐL - 7.13			
LSĐL - 7TC1		LSĐL - 7.13			
LSĐL - 7.13		LSĐL - 7TC1			
SHL - 7.13					
ChCờ - 7.13		TNHN - 7.13			

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU
Giáo viên K.Yến
(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.3				Sử - 9TC2	Sử - 9.4
SHL - 9.3				Sử - 9.3	Sử - 9.3
Sử - 9TC2		Sử - 9.4		Sử - 9.2	Sử - 9.1
Sử - 9.2		Sử - 9.1			NGLL - 9.3

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		LSĐL - 7.3		LSĐL - 7.2	
		LSĐL - 7.3			
				LSĐL - 7.3	
		LSĐL - 7.2			
		LSĐL - 7.2			

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Đ.Huy** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Sử - 9.5		Sử - 9.8	
				Sử - 9.6	
		Sử - 9.7			
		Sử - 9.8		Sử - 9.7	
		Sử - 9.6		Sử - 9.5	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			LSĐL - 7.15		
LSĐL - 7.14			LSĐL - 7.15		
SHL - 7.15		LSĐL - 7.15	LSĐL - 7.14		
ChCờ - 7.15		TNHN - 7.15	LSĐL - 7.14		

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên P.Trang

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Địa - 9.8			GDĐP - 8.11
		Địa - 9.7			GDĐP - 8.11
		Địa - 9.9			
		Địa - 9.6			
		Địa - 9TC2			

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
LSĐL - 8.11					
LSĐL - 8.11		TNHN - 8.11			
LSĐL - 8.2		LSĐL - 8.2			
SHL - 8.11		LSĐL - 8.2			
ChCờ - 8.11		LSĐL - 8.11			

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Lam** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		LSĐL - 6.15		LSĐL - 6TC1	
		LSĐL - 6.15		LSĐL - 6.15	
		LSĐL - 6TC1		GDĐP - 7.15	
		LSĐL - 6TC1		GDĐP - 7.15	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
LSĐL - 7.5		LSĐL - 7.6			
		LSĐL - 7.6			
LSĐL - 7.6		LSĐL - 7.5			
SHL - 7.6		LSĐL - 7.5			
ChCờ - 7.6		TNHN - 7.6			

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên V.Linh** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.11			LSĐL - 6.11		
SHL - 6.11			LSĐL - 6TC2		
LSĐL - 6TC2		TNHN - 6.11	LSĐL - 6TC2		
		LSĐL - 6.11			
		LSĐL - 6.11			

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		LSĐL - 7.7	LSĐL - 7.8		
		LSĐL - 7.8	LSĐL - 7.7		
		LSĐL - 7.8	LSĐL - 7.7		

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên A.Vy** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.7		LSĐL - 6.8			
SHL - 6.7					
LSĐL - 6.7		TNHN - 6.7	LSĐL - 6.7		
LSĐL - 6.7		LSĐL - 6.9	LSĐL - 6.8		
LSĐL - 6.8		LSĐL - 6.9	LSĐL - 6.9		

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		LSĐL - 7.1			
		LSĐL - 7.1			
			LSĐL - 7.1		

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên N.Minh** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
MT - 8TC2	MT - 7.11	MT - 7.1	MT - 7.7	MT - 8TC1	
MT - 7.9	MT - 7.5	MT - 7.12	MT - 7TC2	MT - 7.15	
MT - 8.1	MT - 7.13	MT - 8.3	MT - 8.4	MT - 7.8	
	MT - 7TC1	MT - 7.3	MT - 7.10	MT - 7.14	
	MT - 7.2	MT - 7.4	MT - 7.6	MT - 8.2	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên T.Trâm** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	MT - 6.7	MT - 6.11	MT - 6TC2		
	MT - 6.5	MT - 6.13	MT - 6.9		
	MT - 6TC1	MT - 6.1	MT - 6.2	MT - 6.14	
	MT - 6.4	MT - 6.6	MT - 6.12	MT - 6TC3	
	MT - 6.3	MT - 6.15	MT - 6.10	MT - 6.8	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	MT - 8.7				
	MT - 8.8			MT - 8.11	
	MT - 8.10			MT - 8.5	
	MT - 8.9			MT - 8.6	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên N.Hạnh** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.4					
SHL - 6.4					
Nhạc - 6.2		Nhạc - 6.3			
Nhạc - 6.4					
Nhạc - 6.1		TNHN - 6.4			

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Nhạc - 7TC1		Nhạc - 7TC2	Nhạc - 7.14	
		Nhạc - 7.7	Nhạc - 7.12	Nhạc - 7.8	
	Nhạc - 7.2	Nhạc - 7.15	Nhạc - 7.9	Nhạc - 7.6	
	Nhạc - 7.13	Nhạc - 7.10		Nhạc - 7.1	
	Nhạc - 7.4	Nhạc - 7.5	Nhạc - 7.3	Nhạc - 7.11	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên N.Yến** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Nhạc - 6TC3	Nhạc - 6.13		Nhạc - 6.5	
	Nhạc - 6.6	Nhạc - 6.8		Nhạc - 6.7	
	Nhạc - 6.11	Nhạc - 6.9		Nhạc - 6.10	
	Nhạc - 6TC2	Nhạc - 6.15		Nhạc - 6TC1	
		Nhạc - 6.14		Nhạc - 6.12	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Nhạc - 8.3				
	Nhạc - 8TC1	Nhạc - 8.6		Nhạc - 8.11	
	Nhạc - 8TC2	Nhạc - 8.1		Nhạc - 8.8	
	Nhạc - 8.7	Nhạc - 8.10		Nhạc - 8.2	
	Nhạc - 8.5	Nhạc - 8.4		Nhạc - 8.9	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Chi** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
TD - 7.9					
TD - 7.9					
TD - 7.8					
TD - 7.8					

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
TD - 6.2	TD - 6.4	TD - 6.6			
TD - 6.2	TD - 6.4	TD - 6.6			
TD - 6.1	TD - 6.3	TD - 6.5	TD - 6.7		
TD - 6.1	TD - 6.3	TD - 6.5	TD - 6.7		

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Dũng** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	TD - 8.2				
	TD - 8.2				
	TD - 8.1			TD - 8.3	
	TD - 8.1			TD - 8.3	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
TD - 9.11		TD - 9.13	TD - 9TC1		
TD - 9.11		TD - 9.13	TD - 9TC1		
TD - 9.10		TD - 9.12	TD - 9TC2		
TD - 9.10		TD - 9.12	TD - 9TC2		

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên Hậu

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
TD - 7.3	TD - 7.5	TD - 7.7	TD - 7.1		
TD - 7.3	TD - 7.5	TD - 7.7	TD - 7.1		
TD - 7.2	TD - 7.4	TD - 7.6			
TD - 7.2	TD - 7.4	TD - 7.6			

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	TD - 6.10				
	TD - 6.10				
	TD - 6.9				
	TD - 6.9				

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Thọ** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
TD - 8.5				TD - 8.11	
TD - 8.5				TD - 8.11	
TD - 8.4		TD - 8.8		TD - 8.10	
TD - 8.4		TD - 8.8		TD - 8.10	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	TD - 9.6		TD - 9.8		
	TD - 9.6		TD - 9.8		
	TD - 9.14		TD - 9.7	TD - 9.9	
	TD - 9.14		TD - 9.7	TD - 9.9	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên B.Tiền** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	TD - 8.7	TD - 8.9		TD - 8TC2	
	TD - 8.7	TD - 8.9		TD - 8TC2	
	TD - 8.6			TD - 8TC1	
	TD - 8.6			TD - 8TC1	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
TD - 9.2				TD - 9.4	
TD - 9.2				TD - 9.4	
TD - 9.1	TD - 9.5			TD - 9.3	
TD - 9.1	TD - 9.5			TD - 9.3	

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên Toản

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		TD - 7.11	TD - 7.13		
		TD - 7.11	TD - 7.13		
		TD - 7.10	TD - 7.12	TD - 7.14	
		TD - 7.10	TD - 7.12	TD - 7.14	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			TD - 6.14	TD - 6TC1	
			TD - 6.14	TD - 6TC1	
			TD - 6.13	TD - 6TC2	
			TD - 6.13	TD - 6TC2	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên C.Hà** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			TD - 7TC2	TD - 7.15	
			TD - 7TC2	TD - 7.15	
			TD - 7TC1		
			TD - 7TC1		

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		TD - 6.12	TD - 6.8	TD - 6TC3	
		TD - 6.12	TD - 6.8	TD - 6TC3	
		TD - 6.11		TD - 6.15	
		TD - 6.11		TD - 6.15	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Lành** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Tin - 7.8	Tin - 9.4	Tin - 7.10	Tin - 7.12	Tin - 7.14	GDĐP - 8.8
Tin - 7.8	Tin - 9.2	Tin - 7.10	Tin - 7.12	Tin - 7.14	GDĐP - 8.8
Tin - 7.9	Tin - 9.3	Tin - 7.11	Tin - 7.13	Tin - 7.15	
Tin - 7.9	Tin - 9.1	Tin - 7.11	Tin - 7.13	Tin - 7.15	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
TinTH - 9.1				TinTH - 9.3	
TinTH - 9.1				TinTH - 9.3	
TinTH - 9.2				TinTH - 9.4	
TinTH - 9.2				TinTH - 9.4	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Lê** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Tin - 7.2	Tin - 7.4	Tin - 7.6			
GDĐP - 7.2	Tin - 7.4	Tin - 7.6			
Tin - 7.3	Tin - 7.5	Tin - 7.7	Tin - 7TC2		
GDĐP - 7.3	Tin - 7.5	Tin - 7.7	GDĐP - 7TC2		

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Tin - 6TC2	Tin - 6.3	Tin - 6.5	Tin - 6.7		
Tin - 6TC2	Tin - 6.3	Tin - 6.5	Tin - 6.7		
Tin - 6TC1	Tin - 6.4	Tin - 6.6	Tin - 6.8	Tin - 6TC3	
Tin - 6TC1	Tin - 6.4	Tin - 6.6	Tin - 6.8	Tin - 6TC3	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên M.Phương** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Tin - 8.1		Tin - 8TC2	Tin - 8.3	GDĐP - 8.1
	Tin - 8.1	Tin - 9.5	Tin - 8TC2	Tin - 8.3	GDĐP - 8.1
	Tin - 8.2	Tin - 9.6	Tin - 8TC1	Tin - 9.9	Tin - 9.14
	Tin - 8.2	Tin - 9.7	Tin - 8TC1		
		Tin - 9.8			

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	TinTH - 9.5		TinTH - 9.7	TinTH - 9.9	
	TinTH - 9.5		TinTH - 9.7	TinTH - 9.9	
	TinTH - 9.6		TinTH - 9.8	TinTH - 9.14	
	TinTH - 9.6		TinTH - 9.8	TinTH - 9.14	

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên Đ.Thắng

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Tin - 8.4	Tin - 8.6	Tin - 8.8		Tin - 8.10	GDĐP - 8.9
Tin - 8.4	Tin - 8.6	Tin - 8.8		Tin - 8.10	GDĐP - 8.9
Tin - 8.5	Tin - 8.7	Tin - 8.9		Tin - 8.11	
Tin - 8.5	Tin - 8.7	Tin - 8.9		Tin - 8.11	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Tin - 6.1	Tin - 6.9	Tin - 6.11	Tin - 6.13	Tin - 6.15	
Tin - 6.1	Tin - 6.9	Tin - 6.11	Tin - 6.13	Tin - 6.15	
Tin - 6.2	Tin - 6.10	Tin - 6.12	Tin - 6.14		
Tin - 6.2	Tin - 6.10	Tin - 6.12	Tin - 6.14		

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên Thanh

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			Tin - 7TC1		GDĐP - 8.6
			Tin - 7TC1		GDĐP - 8.6
		Tin - 9TC2	Tin - 7.1		Tin - 9.12
		Tin - 9.10	Tin - 7.1		Tin - 9TC1
		Tin - 9.11	Tin - 9.13		

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
TinTH - 9.10		TinTH - 9.12		TinTH - 9TC2	
TinTH - 9.10		TinTH - 9.12		TinTH - 9TC2	
TinTH - 9.11		TinTH - 9.13		TinTH - 9TC1	
TinTH - 9.11		TinTH - 9.13		TinTH - 9TC1	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Du** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 9TC2			Toán - 9TC2
		Toán - 9TC2			Toán - 9.14
Toán - 9TC2		Toán - 9.14			
Toán - 9.14		Toán - 9.14			

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			TNHN - 8.3		
Toán B2 - 9TC2		Toán B2 - 9.14	Toán - 8.3		
Toán B2 - 9TC2		Toán B2 - 9.14	Toán - 8.3		
SHL - 8.3		Toán - 8.3			
ChCờ - 8.3		Toán - 8.3			

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên M.Đức** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 6.14	Toán - 6TC3		
		Toán - 6.14	Toán - 6TC3		
			Toán - 6.14		
		Toán - 6TC3	Toán - 6.14		
		Toán - 6TC3			

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			Toán - 7.9	Toán - 7.5	
		Toán - 7.5		Toán - 7.10	
		Toán - 7.10	Toán - 7.10	Toán - 7.10	
		Toán - 7.9	Toán - 7.5		
		Toán - 7.9	Toán - 7.5	Toán - 7.9	

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên M.Hương

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.15			Toán - 6TC1	TNHN - 6.15	
SHL - 6.15				Toán - 6TC1	
Toán - 6.15			Toán - 6.15	Toán - 6TC1	
Toán - 6TC1			Toán - 6.15		
				Toán - 6.15	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			Toán - 7.1		
			Toán - 7.1		
GDĐP - 6TC1		Toán - 7.1			
GDĐP - 6TC1		Toán - 7.1			

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên Nguyện

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 9.7			Toán - 9.7
		Toán - 9.8			Toán - 9.8
		Toán - 9.8	Toán - 9.7		Toán - 9.8
			Toán - 9.7		

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Toán - 7TC2		Toán - 7.14		Toán - 7TC2	
Toán B2 - 9.8		Toán - 7.14		Toán - 7.14	
Toán B2 - 9.8		Toán - 7TC2	Toán - 7TC2	Toán - 7.14	
Toán B2 - 9.7		Toán - 7.13	Toán - 7.13	Toán - 7.13	
Toán B2 - 9.7				Toán - 7.13	

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên Như

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.2				Toán - 9.2	Toán - 9.1
SHL - 9.2				Toán - 9.1	Toán - 9.2
Toán - 9.2				Toán - 9.1	Toán - 9.2
Toán - 9.1					NGLL - 9.2

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 8.4	Toán - 8.5	Toán - 8.5	
		Toán B2 - 9.1	Toán - 8.5	Toán - 8.5	
		Toán B2 - 9.1			
		Toán B2 - 9.2	Toán - 8.4	Toán - 8.4	
		Toán B2 - 9.2	Toán - 8.4		

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên Sang

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			Toán - 6.5	Toán - 6.12	
			Toán - 6.11	Toán - 6.12	
		Toán - 6.12	Toán - 6.11	Toán - 6.5	
		Toán - 6.5		Toán - 6.11	
		Toán - 6.5	Toán - 6.12	Toán - 6.11	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Toán - 8.6					
Toán - 8TC2		Toán - 8TC2			
		Toán - 8.6	Toán - 8TC2		
		Toán - 8.6	Toán - 8TC2		
			Toán - 8.6		

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Sơn** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 9.11	Toán - 9.11	Toán - 9.10	
		Toán - 9.10	Toán - 9.10	Toán - 9.10	
				Toán - 9.11	
				Toán - 9.11	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Toán - 7.6	Toán - 7.15	Toán - 7.11	Toán - 7.15	Toán - 7.15	
Toán - 7.15	Toán B2 - 9.10	Toán - 7.11	Toán B2 - 9.11	Toán - 7.11	
	Toán B2 - 9.10	Toán - 7.6	Toán B2 - 9.11		
	Toán - 7.11	Toán - 7.6	Toán - 7.6		

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Tài** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 9.4	Toán - 9.3		Toán - 9.3
		Toán - 9.3	Toán - 9.3		Toán - 9.4
			Toán - 9.4		
			Toán - 9.4		

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		TNHN - 7.12		Toán - 7.12	
Toán - 7.7		Toán B2 - 9.3	Toán - 7.7	Toán - 7.12	
Toán - 7.7		Toán B2 - 9.3	Toán - 7.12		
SHL - 7.12		Toán - 7.7	Toán B2 - 9.4		
ChCờ - 7.12		Toán - 7.12	Toán B2 - 9.4		

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU
Giáo viên V.Thắng
(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 9.6		Toán - 9.5	
		Toán - 9.6		Toán - 9.5	
				Toán - 9.6	
		Toán - 9.5		Toán - 9.6	
		Toán - 9.5			

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			Toán - 7.3		
			Toán - 7.3		
			TNHN - 7.3		
SHL - 7.3		Toán B2 - 9.5	Toán B2 - 9.6	Toán - 7.3	
ChCờ - 7.3		Toán B2 - 9.5	Toán B2 - 9.6	Toán - 7.3	

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU
Giáo viên Toàn
(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 9.12	Toán - 9TC1		
		Toán - 9.12	Toán - 9TC1		
		Toán - 9TC1			
		Toán - 9TC1		Toán - 9.12	
				Toán - 9.12	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 7.2	TNHN - 7.2		
		Toán - 7.8	Toán - 7.2	Toán B2 - 9TC1	
Toán - 7.8		Toán - 7.8	Toán - 7.2	Toán B2 - 9TC1	
SHL - 7.2			Toán B2 - 9.12	Toán - 7.8	
ChCờ - 7.2			Toán B2 - 9.12	Toán - 7.2	

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên Việt

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 6TC2		Toán - 6TC2	
		Toán - 6TC2		Toán - 6TC2	
		Toán - 6.3		Toán - 6.3	
		Toán - 6.3		Toán - 6.3	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Toán - 8.8					
Toán - 8.8			Toán - 8.8		
TNHN - 8.8			Toán - 8.8		
SHL - 8.8		Toán - 8.7	Toán - 8.7		
ChCờ - 8.8		Toán - 8.7	Toán - 8.7		

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên V.Vy

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.9		Toán - 9.9			Toán - 9.13
SHL - 9.9		Toán - 9.9			Toán - 9.13
		Toán - 9.13			Toán - 9.9
Toán - 9.13					NGLL - 9.9
Toán - 9.9					

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 8.1	Toán - 8.1	Toán - 8.1	
		Toán B2 - 9.9	Toán - 8.1		
		Toán B2 - 9.9		Toán - 8.2	
			Toán - 8.2	Toán B2 - 9.13	
		Toán - 8.2	Toán - 8.2	Toán B2 - 9.13	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên H.Trang** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 6.10		GDĐP - 7.14	
		Toán - 6.9		GDĐP - 7.14	
Toán - 6.10				Toán - 6.9	
Toán - 6.9				Toán - 6.10	
Toán - 6.9				Toán - 6.10	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 7.4	TNHN - 7.4		
		Toán - 7.4	Toán - 7.4		
			Toán - 7.4		
SHL - 7.4					
ChCờ - 7.4					

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Thoa** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.8				Toán - 6.8	
SHL - 6.8				Toán - 6.8	
		Toán - 6.4			
TNHN - 6.8		Toán - 6.8		Toán - 6.4	
Toán - 6.4		Toán - 6.8		Toán - 6.4	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			Toán - 8.9		
		Toán - 8.9	Toán - 8.9		
		Toán - 8.9	Toán - 8TC1		
		Toán - 8TC1	Toán - 8TC1		
		Toán - 8TC1			

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Hảo** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 6.7		Toán - 6.6	
		Toán - 6.7	Toán - 6.7	Toán - 6.6	
			Toán - 6.6	Toán - 6.13	
		Toán - 6.13	Toán - 6.6		
		Toán - 6.13	Toán - 6.13	Toán - 6.7	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Toán - 8.11		Toán - 8.10	
		Toán - 8.11	Toán - 8.10	Toán - 8.11	
		Toán - 8.10	Toán - 8.10	Toán - 8.11	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên V.Loan** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.2		Toán - 6.1		Toán - 6.2	
SHL - 6.2		Toán - 6.1		Toán - 6.2	
		Toán - 6.2		Toán - 6.1	
		Toán - 6.2		Toán - 6.1	
		TNHN - 6.2			

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			Toán - 7TC1		
			Toán - 7TC1		
		Toán - 7TC1			
		Toán - 7TC1			

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên H.Đức

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.14					
SHL - 9.14	Văn - 9.5			Văn - 9.14	
Văn - 9.14	Văn - 9.14		Văn - 9.14	Văn - 9.5	
Văn - 9.14			Văn - 9.5	Văn - 9.5	NGLL - 9.14
Văn - 9.5					

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 7.6			Văn - 7.6	
	Văn B2 - 9.14		Văn - 7.6		
	Văn B2 - 9.14		Văn - 7.6	Văn - 7.7	
	Văn - 7.7		Văn B2 - 9.5	Văn - 7.7	
	Văn - 7.7		Văn B2 - 9.5		

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên Dung

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.13	Văn - 9TC1			Văn - 9TC1	
SHL - 9.13	Văn - 9TC1				
Văn - 9.13	Văn - 9.13			Văn - 9.13	
Văn - 9TC1	Văn - 9.13			Văn - 9.13	NGLL - 9.13
Văn - 9TC1					

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 7.3			Văn - 7.3	
Văn B2 - 9TC1	Văn - 7.3			Văn - 7.3	
Văn B2 - 9TC1	Văn - 7.4				
Văn B2 - 9.13	Văn - 7.4			Văn - 7.4	
Văn B2 - 9.13				Văn - 7.4	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên B.Hằng** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.12	Văn - 9.11		Văn - 9.12	Văn - 9.11	Văn - 9.12
SHL - 9.12	Văn - 9.12		Văn - 9.11	Văn - 9.12	Văn - 9.11
	Văn - 9.12				Văn - 9.11
					NGLL - 9.12

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 7.10		Văn - 7.10	Văn - 7.10	
	Văn B2 - 9.12		Văn - 7.10	Văn B2 - 9.11	
	Văn B2 - 9.12		Văn - 7.1	Văn B2 - 9.11	
			Văn - 7.1		
	Văn - 7.1			Văn - 7.1	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên L.Hồng** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.6	Văn - 9TC2		Văn - 9.6		
SHL - 9.6	Văn - 9TC2		Văn - 9.6		Văn - 9TC2
Văn - 9.6			Văn - 9TC2		Văn - 9.6
Văn - 9.6			Văn - 9TC2		NGLL - 9.6

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Văn - 8TC1	Văn - 8.10				
Văn B2 - 9.6	Văn - 8.10		Văn - 8.10		
Văn B2 - 9.6			Văn - 8.10		
Văn B2 - 9TC2				Văn - 8TC1	
Văn B2 - 9TC2			Văn - 8TC1	Văn - 8TC1	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên N.Lệ** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.5	Văn - 6TC2				
SHL - 6.5	Văn - 6TC2				
TNHN - 6.5	Văn - 6.5			Văn - 6TC2	
Văn - 6TC2				Văn - 6.5	
Văn - 6.5				Văn - 6.5	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 7.8		Văn - 7.8		
	Văn - 7.8		Văn - 7.8		
	Văn - 7.9		Văn - 7.9		
	Văn - 7.9		Văn - 7.9		

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Mai** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 9.7		Văn - 9.7		
	Văn - 9.8		Văn - 9.7	Văn - 9.7	
			Văn - 9.8	Văn - 9.7	
			Văn - 9.8	Văn - 9.8	
				Văn - 9.8	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 8.1				
Văn B2 - 9.7	Văn - 8.1				
Văn B2 - 9.7				TNHN - 8.1	
SHL - 8.1	Văn B2 - 9.8			Văn - 8.1	
ChCờ - 8.1	Văn B2 - 9.8			Văn - 8.1	

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên Nghĩa

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 6.1		Văn - 6.13		
	Văn - 6.1				
	Văn - 6.13		Văn - 6.1	Văn - 6.15	
	Văn - 6.13		Văn - 6.1	Văn - 6.15	
	Văn - 6.15		Văn - 6.15	Văn - 6.13	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Văn - 7.15					
Văn - 7.5				Văn - 7.5	
Văn - 7.5	Văn - 7.5				
SHL - 7.5	TNHN - 7.5			Văn - 7.15	
ChCờ - 7.5	Văn - 7.15			Văn - 7.15	

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên Nụ

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.3	Văn - 6.4				
SHL - 6.3	Văn - 6.4				
TNHN - 6.3	Văn - 6.3		Văn - 6.4		
Văn - 6.3			Văn - 6.4		
Văn - 6.3			Văn - 6.3		

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 7.12				
	Văn - 7.12				
			Văn - 7.11	Văn - 7.11	
			Văn - 7.11	Văn - 7.11	
			Văn - 7.12	Văn - 7.12	

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên Phượng

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 9.1		Văn - 9.1	Văn - 9.1	
	Văn - 9.1		Văn - 9.1	Văn - 9.2	
	Văn - 9.2		Văn - 9.2		
	Văn - 9.2		Văn - 9.2		

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Văn - 7.13	Văn - 7TC2				
Văn - 7TC2	Văn - 7.13		Văn - 7.13	Văn B2 - 9.1	
			Văn - 7.13	Văn B2 - 9.1	
			Văn - 7TC2	Văn B2 - 9.2	
			Văn - 7TC2	Văn B2 - 9.2	

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên Sâm

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 6.12			Văn - 6.11	
	Văn - 6.12			Văn - 6.11	
				Văn - 6.12	
	Văn - 6.11			Văn - 6.12	
	Văn - 6.11				

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Văn - 8.2				Văn - 8.2	
TNHN - 8.2				Văn - 8.2	
Văn - 8TC2	Văn - 8.2			Văn - 8TC2	
SHL - 8.2	Văn - 8TC2				
ChCờ - 8.2	Văn - 8TC2				

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Tấn** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 9.3			Văn - 9.4	
	Văn - 9.3			Văn - 9.4	
Văn - 9.3	Văn - 9.4			Văn - 9.3	
Văn - 9.4				Văn - 9.3	
Văn - 9.4					

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 8.8			Văn - 8.8	
	Văn B2 - 9.4			Văn - 8.8	
	Văn B2 - 9.4		Văn - 8.9	Văn - 8.9	
	Văn B2 - 9.3		Văn - 8.9	Văn - 8.9	
	Văn B2 - 9.3		Văn - 8.8		

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Đ.Thảo** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 6.14	Văn - 6.14		TNHN - 6.14		
SHL - 6.14	Văn - 6TC3		Văn - 6.14		
Văn - 6TC3	Văn - 6TC3		Văn - 6TC3		
Văn - 6.14					
Văn - 6.14					

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 8.5		Văn - 8.6		
	Văn - 8.5		Văn - 8.6		
	Văn - 8.6		Văn - 8.5		
	Văn - 8.6		Văn - 8.5		

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU
Giáo viên M.Yến
(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
ChCờ - 9.10	Văn - 9.9		Văn - 9.9		Văn - 9.10
SHL - 9.10	Văn - 9.9		Văn - 9.9		Văn - 9.10
Văn - 9.9	Văn - 9.10		Văn - 9.10		
			Văn - 9.10		NGLL - 9.10

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 8.7			Văn - 8.11	
	Văn - 8.11			Văn - 8.7	
			Văn - 8.7	Văn - 8.7	
Văn B2 - 9.9			Văn - 8.11	Văn B2 - 9.10	
Văn B2 - 9.9			Văn - 8.11	Văn B2 - 9.10	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên H.Yến** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 6TC1		Văn - 6.7	Văn - 6.7	
			Văn - 6TC1		
	Văn - 6.6		Văn - 6TC1	Văn - 6.6	
	Văn - 6.7			Văn - 6.6	
	Văn - 6.7		Văn - 6.6	Văn - 6TC1	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 7.2		Văn - 7.14	Văn - 7TC1	
	Văn - 7.14		Văn - 7TC1	Văn - 7TC1	
	Văn - 7.14		Văn - 7.2	Văn - 7.2	
	Văn - 7TC1		Văn - 7.2	Văn - 7.14	

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU
Giáo viên Đ.Yến
(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 6.9		Văn - 6.2	Văn - 6.10	
			Văn - 6.10	Văn - 6.9	
Văn - 6.8	Văn - 6.2		Văn - 6.9	Văn - 6.8	
Văn - 6.2	Văn - 6.2		Văn - 6.9	Văn - 6.8	
Văn - 6.10	Văn - 6.10		Văn - 6.8		

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	Văn - 8.4			Văn - 8.4	
	Văn - 8.4			Văn - 8.4	
	Văn - 8.3			Văn - 8.3	
	Văn - 8.3			Văn - 8.3	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên N.Hằng** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			GDĐP - 6.13		
			GDĐP - 6.13		
			GDĐP - 6.14		
			GDĐP - 6.14		

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên An** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	GDĐP - 7.4	GDĐP - 7.6			
	GDĐP - 7.4	GDĐP - 7.6			
	GDĐP - 7.5	GDĐP - 7.7			
	GDĐP - 7.5	GDĐP - 7.7			

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Ngọc** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
			KHTN - 6.4	KHTN - 6.4	
			KHTN - 6.4	KHTN - 6.4	
			KHTN - 6TC2	KHTN - 6TC2	
			KHTN - 6TC2	KHTN - 6TC2	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		KHTN - 8TC1			
		KHTN - 8.10			
	KHTN - 8TC1			KHTN - 8TC1	
	KHTN - 8TC1			KHTN - 8.10	
	KHTN - 8.10			KHTN - 8.10	

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Vân.MT** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		MT - 9TC1		MT - 9.13	
		MT - 9.4		MT - 9.8	
	MT - 9.5	MT - 9.2	MT - 9.3	MT - 9.10	
	MT - 9.14	MT - 9.9	MT - 9.12	MT - 9TC2	
	MT - 9.11	MT - 9.7	MT - 9.1	MT - 9.6	

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7

THCS Tô Ký Năm học 2023 - 2024 Học kỳ 2	**THỜI KHOÁ BIỂU** **Giáo viên Châu** *(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)*	**Số 5**

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
		Anh - 6.1			
		Anh - 6.1	Anh - 6.1		

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên Khánh

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	AnhTC - 7TC2				
	AnhTC - 7TC2				
	AnhTC - 7TC2				

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
Anh - 7.1	Anh - 7.1				
Anh - 7.1	Anh - 7.11	GDĐP - 6.5	GDĐP - 6.7		
Anh - 7.11	Anh - 7.11	GDĐP - 6.5	GDĐP - 6.7		
GDĐP - 6.2		GDĐP - 6.6			
GDĐP - 6.2		GDĐP - 6.6			

THCS Tô Ký
Năm học 2023 - 2024
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Giáo viên T.Thảo

(Thực hiện từ ngày 04 tháng 03 năm 2024)

Số 5

Buổi sáng

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
	KHTN - 6.11		KHTN - 6.15		
	KHTN - 6.11		KHTN - 6.15		
	KHTN - 6.15				
	KHTN - 6.15		KHTN - 6.11		
			KHTN - 6.11		

Buổi chiều

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	THỨ 7
KHTN - 7.9	KHTN - 7.2			KHTN - 7.9	
KHTN - 7.2	KHTN - 7.9				
KHTN - 7.2	KHTN - 7.9			KHTN - 7.2	